

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 10/6/2024

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH HƯNG YÊN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Vũ Thu G.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Minh T và ông Nguyễn Quyết T

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị T - Thư ký TAND huyện V

- Đại diện VKSND huyện V, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Ông [Lê Công T](#) - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2024/TLST-HNGĐ ngày 08/01/2024 về việc “*Xin ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 08/5/2024 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 03/TB-TA ngày 27/5/2024 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Ông [Nguyễn Hoàng H](#), SN: 1949 (có mặt)

-Bị đơn: Bà [Ngô Thị H1](#), SN: 1952 (Vắng mặt)

HKTT/ chỗ ở: [thôn B, xã P, huyện V, tỉnh Hưng Yên](#).

Người làm chứng:

Chị [Nguyễn Thị C](#), sinh năm 1979

Địa chỉ: [thôn Đ, xã P, huyện V, tỉnh Hưng Yên](#).

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, vắng mặt: bị đơn, người làm chứng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, các biên bản lấy lời khai, nguyên đơn ông [Nguyễn Hoàng H](#) trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: Ông và bà [H1](#) tự nguyện kết hôn từ năm 1977, có đăng ký kết hôn tại [UBND xã P](#). Giấy chứng nhận kết hôn bản chính đã bị thất lạc, năm 2022 ông và bà đã đăng ký lại, theo giấy chứng nhận kết hôn mới được [UBND xã P](#) cấp lại ngày xác lập quan hệ vợ chồng giữa ông và bà [H1](#) là ngày 04/01/1977. Sau ngày cưới ông và bà [H1](#) chung sống cùng với mẹ ông trên nhà đất của gia đình ông tại [thôn Đ](#), nhưng ăn riêng.

Quá trình chung sống, vợ chồng ông chung sống không thực sự hạnh phúc hay xảy ra mâu thuẫn cãi nhau vì có nhiều bất đồng trong cuộc sống không hòa hợp được. Khi mới xảy ra mâu thuẫn hai ông, bà đã bảo ban nhau cố gắng để hòa hợp nhưng do có quá nhiều bất đồng nên không hòa hợp được. Mâu thuẫn kéo dài, và ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng mất dần, từ năm 1990 ông và bà [H1](#) ở chung nhà, cùng nhau nuôi dạy con cái nhưng vợ chồng lạnh nhạt không có tình cảm thương yêu, quan tâm, chăm sóc nhau. Đến nay các con đều đã tự lập, ông và bà [H1](#) vẫn ở chung nhưng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi chửi nhau. Xác định ông và bà [H1](#) tuổi đã cao, muốn thời gian cuối đời có cuộc sống yên bình, tinh thần tự tại thoải mái ông xin ly hôn với bà [H1](#).

Về con chung: Ông và bà [H1](#) có 3 con chung là [Nguyễn Thị C](#), sinh năm: 1979, [Nguyễn Việt T1](#) sinh năm: 1981, [Nguyễn Thị Phương N](#), sinh năm: 1990. Cả ba người con đều đã thành niên, có gia đình riêng và tự lập. Ông không yêu cầu giải quyết về con chung khi ly hôn.

Về tài sản chung, công sức, công nợ chung, đất nông nghiệp: Ông không yêu cầu giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai bị đơn bà [Ngô Thị H1](#) trình bày: Về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn của ông bà đúng như ông [H](#) trình bày. Vợ chồng bà chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân do ông [H](#) không quan tâm, không có trách nhiệm với vợ con và gia đình. Ông có quan hệ tình cảm với người khác, về nhà kiểm soát chửi đánh vợ. Bà đã cố gắng chịu đựng để giữ gìn gia đình cho các con, nhưng bao nhiêu năm nay ông [H](#) không thay đổi, hiện nay vợ chồng vẫn mâu thuẫn trầm trọng, dù tuổi đã cao nhưng thường xuyên xảy ra đánh cãi chửi nhau. Ông [H](#) xin ly hôn bà xác định vợ chồng chung sống không hạnh phúc, mâu thuẫn nhiều năm tình cảm vợ chồng đã hết bà đồng ý ly hôn.

Về con chung: Bà và ông [H](#) có ba con chung như ông [H](#) trình bày, cả ba con đều đã thành niên và sống tự lập. Nếu ly hôn bà không yêu cầu giải quyết về con chung.

Về tài sản chung, công nợ, đất nông nghiệp; công sức: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà đã nhận được Thông báo thụ lý và giấy triệu tập của Tòa án nhân dân huyện Văn Giang triệu tập đến làm việc về đơn ly hôn của ông [H](#), nhưng do đã lớn tuổi nên bà không đến Tòa án để giải quyết ly hôn. Bà đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

Người làm chứng chị [Nguyễn Thị C](#) là con đẻ của ông [H](#), bà [H1](#) trình bày: Ông [H](#) và bà [H1](#) chung sống không hạnh phúc hay xảy ra cãi nhau, đánh nhau từ khi chị còn nhỏ đến nay. Chị em chị cũng không hạnh phúc do bố mẹ mâu thuẫn. Gia đình hai bên và ba chị em chị đã động viên hòa giải mâu thuẫn của ông bà nhưng không có kết quả. Nhiều năm nay bà [H1](#) và ba chị em chị cố gắng chịu đựng để giữ gìn gia đình. Nay ông [H](#) muốn ly hôn, bà [H1](#) và chị em chị đề nghị Tòa án giải quyết cho ông [H](#), bà [H1](#) được ly hôn.

Kết quả xác minh với trưởng thôn [B](#), Công chức tư pháp và UBND xã Phụng Công thể hiện: Theo ông [H](#), bà [H1](#) trình bày ông bà có đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã Phụng Công năm 1977, hiện UBND xã không còn lưu sổ đăng ký kết hôn năm 1977. Theo yêu cầu của ông [H](#), bà [H1](#) UBND xã đã đăng ký kết hôn lại cho ông bà ngày 07/4/2022 xác lập quan hệ hôn nhân từ ngày 04/01/1977. Vợ chồng ông [H](#) bà [H1](#) chung sống tại [thôn B, xã P, huyện V, tỉnh Hưng Yên](#). Quá trình chung sống vợ chồng ông bà xảy ra mâu thuẫn kéo dài nhiều năm, thường xuyên xảy ra đánh cãi nhau ảnh hưởng đến trật tự thôn xóm. Ông [H](#) và bà [H1](#) có 3 con chung, cả ba đều đã thành niên và sống tự lập.

Do bà [H1](#) đề nghị giải quyết vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành phiên hòa giải vụ án được và phải đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên toà:

Nguyên đơn ông [Nguyễn Hoàng H](#) vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với à [Ngô Thị H1](#). Về con chung, tài sản chung, công nợ, đất nông nghiệp, công sức ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà [Ngô Thị H1](#) xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, hoạt động thu thập chứng cứ đúng trình tự thủ tục đảm bảo khách quan, Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi, thủ tục tố tụng tại phiên tòa được Hội đồng xét xử tiến hành đảm bảo đúng quy định.

Nguyên đơn chấp hành đúng và đầy đủ quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án chưa chấp hành đúng và đầy đủ quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Hoàng H, cho ông H được ly hôn bà Ngô Thị H1. Về con chung; công sức, tài sản chung, công nợ chung và đất nông nghiệp chấp nhận yêu cầu của ông H và bà H1 không giải quyết. Về án phí, nguyên đơn ông H là người cao tuổi miễn án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện của ông [H](#) về việc xin ly hôn bà [Ngô Thị H1](#) thường trú tại [thôn B, xã P, huyện V, tỉnh Hưng Yên](#). Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Văn Giang thụ lý và đưa ra giải quyết vụ án hôn nhân gia đình là đúng thẩm quyền, phù hợp với quy định pháp luật.

Bị đơn, người làm chứng đều xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ kiện vắng mặt những người này là phù hợp quy định pháp luật.

[2] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn thấy:

Ông [Nguyễn Hoàng H](#) và bà [Ngô Thị H1](#) kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, được [UBND xã P, huyện V, tỉnh Hưng Yên](#) cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 24/2022 ngày 07/4/2022, xác nhận ngày 04/01/1977 là ngày xác lập quan hệ vợ chồng giữa ông [H](#) và bà [H1](#) đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống, ông [H](#), bà [H1](#) đều xác nhận từ nhiều năm nay ông bà chung sống không hạnh phúc thường xuyên xảy ra đánh cãi chửi nhau. Ông, bà đã cố gắng để hòa hợp, hai bên gia đình đã động viên khuyên bảo nhưng mâu thuẫn không giải quyết được. Sau nhiều năm mâu thuẫn, hiện nay cả ông [H](#), bà [H1](#) đều xác định tình cảm vợ chồng không còn. Người làm chứng và chính quyền địa phương cũng xác nhận tình trạng hôn nhân của ông, bà không hạnh phúc và đến nay vẫn xảy ra đánh cãi chửi nhau ảnh hưởng đến cuộc sống của người thân và trật tự thôn xóm. Ông [H](#) xin ly hôn, bà [H1](#) cũng đồng ý, như vậy có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa ông, bà đã thực sự trầm trọng, hôn nhân giữa ông, bà không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy HĐXX chấp nhận yêu cầu của ông [H](#), bà [H1](#), cho ông [H](#) bà [H1](#) được ly hôn.

[3]. Về con chung:

Ông [H](#) và bà [H1](#) đều xác nhận: Ông, bà có 03 con chung là [Nguyễn Thị C](#), sinh năm: 1979, [Nguyễn Viết T1](#) sinh năm: 1981, [Nguyễn Thị Phương N](#), sinh năm: 1990. Cả ba người con đều đã thành niên, có gia đình riêng và tự lập. Ông [H](#), bà [H1](#) không yêu cầu giải quyết về con chung khi ly hôn nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, công sức, công nợ chung, đất nông nghiệp: Ông [H](#), bà [H1](#) không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn ông [H](#) là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên HĐXX miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho ông [H](#) theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 203; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 229; Điều 235; Điều 266; Điều 267 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông [Nguyễn Hoàng H](#), ông [Nguyễn Hoàng H](#) được ly hôn bà [Ngô Thị H1](#).

2. Về con chung: Không xem xét giải quyết

3. Về công sức, tài sản chung, công nợ chung và đất nông nghiệp: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Miễn án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm cho ông [Nguyễn Hoàng H](#).

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA, TAND tỉnh HY.
- VKSND huyện Văn Giang.
- Chi cục THADS huyện Văn Giang.
- UBND xã Phụng Công (ĐKKH số 24/2022 ngày 07/4/2022)
- Các đương sự
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Vũ Thu Giang